

Số: 587/KH-UBND

Hương Trà, ngày 26 tháng 02 năm 2020

## **KẾ HOẠCH**

### **Nâng cao chỉ số cải cách hành chính của thị xã Hương Trà năm 2020**

#### **I. Kết quả tự chấm điểm, đánh giá và xếp hạng chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) của thị xã năm 2019**

Năm 2019, việc đánh giá xếp hạng chỉ số CCHC được triển khai thực hiện theo quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của UBND tỉnh về ban hành quy định việc đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố; quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về sửa đổi một số điều của quy định đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố do UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 và Công văn số 1514/SNV-CCHC ngày 15/11/2019 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn việc tự chấm điểm để xếp loại công tác CCHC năm 2019.

Trên cơ sở kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2019 và các tài liệu kiểm chứng kết quả thẩm định của thị xã đạt **75,08 %** điểm, xếp loại Khá và xếp thứ 4 trong 9 huyện, thị xã, thành phố. Qua theo dõi một số tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đảm bảo theo yêu cầu, tập trung vào một số lĩnh vực sau:

##### **1.1. Lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL**

Được đánh giá trên 03 tiêu chí có phát sinh nhiệm vụ với số điểm tối đa là 4 điểm, điểm tự chấm của thị xã là 4 điểm, kết quả thẩm định đạt 3.5 điểm.

*Lĩnh vực này do Phòng Tư pháp thị xã phụ trách.*

##### **1.2 Lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính**

Được đánh giá trên 06 tiêu chí có phát sinh nhiệm vụ với số điểm tối đa là 14 điểm, thị xã tự chấm 12.20 điểm; kết quả thẩm định đạt 9.20 điểm.

*Lĩnh vực này do Văn phòng HĐND và UBND thị xã phụ trách.*

##### **1.3 Lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy**

Được đánh giá trên 03 tiêu chí có phát sinh nhiệm vụ với số điểm tối đa là 6 điểm, thị xã tự chấm 6 điểm; kết quả thẩm định đạt 5.34 điểm.

*Lĩnh vực này do Phòng Nội vụ thị xã phụ trách.*

##### **1.3 Lĩnh vực cải cách tài chính công:**

Lĩnh vực này được đánh giá trên 3 tiêu chí có phát sinh nhiệm vụ với số điểm tối đa là 6,5 điểm, thị xã tự chấm 6 điểm, thẩm định 2 điểm.

*Lĩnh vực này do Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã phụ trách.*

#### **1.4. Lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính:**

Lĩnh vực này chỉ tập trung vào 02 nội dung lớn: Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh (ICT) và tình hình thực hiện ISO trong hoạt động của địa phương, với số điểm tối đa có phát sinh nhiệm vụ là 12 điểm, thị xã tự chấm 11.75 điểm, thẩm định 9.65 điểm.

*Lĩnh vực này do Văn phòng HĐND và UBND thị xã phụ trách.*

*(Các Tiêu chí, Tiêu chí thành phần không đạt điểm theo yêu cầu cụ thể có Phụ lục chi tiết kèm theo Kế hoạch này).*

#### **II. Kế hoạch nâng cao chỉ số cải cách hành chính của thị xã Hương Trà năm 2020**

Từ kết quả, những ưu điểm, tồn tại, hạn chế của việc đánh giá công tác CCHC năm 2019, nhằm nâng cao chỉ số CCHC của thị xã trong năm 2020, UBND thị xã ban hành Kế hoạch với các nội dung chủ yếu sau:

##### **1. Mục tiêu**

###### **a) Mục tiêu chung**

Hoàn thành mục tiêu của Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 25/8/ 2016 của UBND thị xã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND thị xã phê duyệt Kế hoạch CCHC năm 2020.

###### **b) Mục tiêu cụ thể**

Phấn đấu vị thứ CCHC của thị xã Hương Trà trong năm 2020 nằm trong top 3 địa phương dẫn đầu về chỉ số CCHC của tỉnh.

##### **2. Nhiệm vụ**

###### **a) Nhiệm vụ chung**

- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thị xã, UBND các phường, xã căn cứ Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 25/8/ 2016 của UBND thị xã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND thị xã phê duyệt Kế hoạch CCHC năm 2020 và tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương xác định rõ những nhiệm vụ trọng tâm, những giải pháp chủ yếu để triển khai thực hiện.

- Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai có chất lượng, đúng tiến độ các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc các nhiệm vụ cụ thể về công tác CCHC gồm: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Cải cách tài chính công; Hiện đại hóa hành chính; Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; Tác động của công tác CCHC tại địa phương.

###### **b) Nhiệm vụ cụ thể:**

###### **\* Phòng Nội vụ**

- Tham mưu UBND thị xã ban hành các kế hoạch về: CCHC năm 2020; kiểm tra công tác CCHC năm 2020; kiểm tra công vụ năm 2020; tinh giản biên chế năm 2020; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2020.

- Tham mưu UBND thị xã ban hành các báo cáo định kỳ về CCHC năm 2020 gửi đến Sở Nội vụ đúng quy định, đảm bảo đúng thời gian theo yêu cầu.

- Tham mưu UBND thị xã tiến hành rà soát đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2016-2021 phù hợp với tình hình hiện nay.

- Tham mưu UBND thị xã tiến hành rà soát, xây dựng kế hoạch, đề án và tổ chức sắp xếp, kiện toàn tổ chức cấu thành của cơ quan, đơn vị; rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo Chương trình hành động số 99/CTr-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh.

- Tổng hợp: các văn bản liên quan công tác tuyển dụng, tiếp nhận và bố trí công chức cấp thị xã, cấp xã và viên chức tại các đơn vị sự nghiệp; công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, nâng lương thường xuyên, trước thời hạn...

- Theo dõi, tổng hợp các kế hoạch đã ban hành trong năm 2020 về CCHC; kiểm tra công tác CCHC; tinh giản biên chế; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; kế hoạch kiểm tra công vụ.

- Tham mưu các Hội đồng thẩm định và UBND thị xã tiến hành tự chấm điểm đánh giá và xếp loại công tác CCHC của thị xã năm 2020 và tổ chức đánh giá xếp loại công tác CCHC năm 2020 đối với UBND các phường, xã và các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thị xã .

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định tại phụ lục số II, quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về sửa đổi một số điều của quy định đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố do UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/11/2017, gồm: 1.1, 1.2, 1.3, 4.1, 4.2, 5 và phần điều tra xã hội học khảo sát mức độ hài lòng.

- Phối hợp Văn phòng Thị ủy xây dựng các giải pháp cụ thể để duy trì điểm số tại tiêu chí 1.6.

*\* Văn phòng HĐND & UBND thị xã*

- Tham mưu UBND thị xã ban hành kế hoạch thực hiện; các báo cáo về việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 năm 2020 theo quy định.

- Tham mưu UBND thị xã chỉ đạo các đơn vị tiến hành xây dựng quy trình ISO cho các TTHC đối với các lĩnh vực QLNN của từng đơn vị; quyết định công bố quy trình ISO đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải của UBND cấp huyện theo quy định và đảm bảo theo thời gian yêu cầu của tỉnh.

- Phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã thông kê danh mục tin bài thông tin, tuyên truyền về CCHC trên Trang thông tin điện tử thị xã năm 2020 phục vụ việc tự chấm điểm CCHC năm 2020 của thị xã

- Tham mưu UBND thị xã xây dựng và ban hành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC năm 2020; các báo cáo theo định kỳ và báo cáo năm về kết quả thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2020; báo cáo tình hình và kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC năm 2020 theo quy định và đảm bảo theo thời gian yêu cầu của tỉnh.

- Tổng hợp gửi Phòng Nội vụ các tài liệu kiểm chứng liên quan các lĩnh vực CNTT, ISO, công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC, kết quả tiếp nhận, giải quyết và trả hồ sơ TTHC tại Trung tâm hành chính công thị xã năm 2020; kết quả tiếp

nhận, giải quyết và trả hồ sơ TTHC của Bộ phận TN&TKQ của UBND các xã, phường năm 2020, kết quả thực hiện công tác đăng tin bài thông tin, tuyên truyền về CCHC trên Trang thông tin điện tử thị xã năm 2020; Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm 2020

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định theo quy định tại phụ lục số II, quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về sửa đổi một số điều của quy định đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố do UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/11/2017, gồm: 1.2, 1.5, 3, 7.

- Phối hợp Phòng Nội vụ xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số phần điều tra xã hội học khảo sát mức độ hài lòng.

*\* Phòng Tư pháp*

- Tham mưu UBND thị xã triển khai kịp thời VBQPPL do Chính phủ, các Bộ, HĐND, UBND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực quản lý của UBND cấp huyện đảm bảo đúng thời gian và theo quy định của tỉnh.

- Tham mưu UBND thị xã thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL; báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL theo đúng quy định và đảm bảo thời gian theo yêu cầu của tỉnh.

- Tổng hợp gửi Phòng Nội vụ các tài liệu kiểm chứng liên quan lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại UBND cấp huyện.

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định tại phụ lục số II, quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về sửa đổi một số điều của quy định đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố do UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/11/2017, gồm: 2.1, 2.2, 2.3.

*\* Phòng Tài chính – Kế hoạch*

- Tham mưu UBND thị xã thực hiện công tác báo cáo hàng năm về lĩnh vực cải cách tài chính công đúng quy định và đảm bảo thời gian theo yêu cầu của tỉnh.

- Tổng hợp gửi Phòng Nội vụ các tài liệu kiểm chứng liên quan lĩnh vực cải cách tài chính công và tác động của công tác CCHC tại địa phương.

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định tại phụ lục số II, quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về sửa đổi một số điều của quy định đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố do UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/11/2017, gồm: 6.1, 6.2, 6.2, 8.1, 8.2, 8.3, Kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh (DDCI) của doanh nghiệp.

*\* Thanh Tra thị xã*

- Tham mưu UBND thị xã ban hành kế hoạch; thực hiện thanh tra, kiểm tra định kỳ; kịp thời ban hành thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước do UBND tỉnh đã phân cấp cho UBND thị xã.

- Tổng hợp gửi Phòng Nội vụ các tài liệu kiểm chứng liên quan việc thanh tra, kiểm tra đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước do UBND tỉnh

đã phân cấp cho UBND cấp huyện, thực hiện chế độ báo cáo về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, gian lận thương mại và phòng chống tham nhũng năm 2020 theo quy định.

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định tại phụ lục số II, quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về sửa đổi một số điều của quy định đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố do UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/11/2017, gồm: 4.3.1, 4.3.2, 4.3.3.

*\* Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã*

- Tham mưu UBND thị xã ban hành kế hoạch và thực hiện báo cáo năm 2020 về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC đúng quy định và đảm bảo thời gian theo yêu cầu của tỉnh.

- Phối hợp Văn phòng HĐND&UBND thị xã thống kê danh mục tin bài thông tin, tuyên truyền về CCHC trên Trang thông tin điện tử thị xã năm 2020 phục vụ việc tự chấm điểm CCHC năm 2020 của thị xã.

- Tổng hợp gửi Phòng Nội vụ các tài liệu kiểm chứng liên quan công tác thông tin, tuyên truyền CCHC.

- Xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định tại phụ lục số II, quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về sửa đổi một số điều của quy định đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố do UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/11/2017, gồm: 1.4.1, 1.4.2.

*\* Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thị xã*

Phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã tham mưu UBND thị xã trong công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC trên địa bàn thị xã năm 2020; chuẩn bị các tài liệu kiểm chứng liên quan tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ việc tự chấm điểm CCHC năm 2020 của thị xã.

*\* UBND các phường, xã*

- Thực hiện nghiêm túc và thường xuyên việc công bố, công khai niêm yết trên Trang thông tin điện tử cấp xã và Bảng Niêm yết công khai tại Bộ phận TN&TKQ hiện đại cấp xã các TTHC và quy trình ISO giải quyết các TTHC cấp xã; việc cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung, thiết lập lại quy trình và đồng bộ TTHC trên phần mềm; việc tiếp nhận và cập nhật hồ sơ TTHC trên phần mềm; việc số hóa hồ sơ TTHC được tiếp nhận tại Bộ phận TN&TKQ hiện đại cấp xã; việc giải quyết hồ sơ TTHC tại Bộ phận TN&TKQ hiện đại cấp xã đúng và trước hạn, hạn chế tình trạng giải quyết quá hạn; việc xin lỗi công dân tổ chức khi để xảy ra quá hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC tại Bộ phận TN&TKQ hiện đại cấp xã.

- Phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng các giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định tại phụ lục số II, quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về sửa đổi một số điều của quy định đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố do UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số

2642/QĐ-UBND ngày 07/11/2017, gồm: 1.4.2, 3.2.3, 3.2.4, 3.3.1, 3.3.3, 3.4.2, 3.5.2, 3.5.3, 3.5.4, 3.5.5, 5.5.2, 5.5.3, 5.7, 7.2, 7.3.3.

- Báo cáo kết quả tiếp nhận, giải quyết và trả hồ sơ TTHC của Bộ phận TN&TKQ của UBND các xã, phường năm 2020 (trong báo cáo CCHC năm 2020) đảm bảo thời gian theo yêu cầu của thị xã.

### **III. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thị xã và UBND các xã, phường căn cứ kết quả đánh giá xếp loại công tác CCHC năm 2019 và các văn bản chỉ đạo về CCHC của UBND tỉnh và các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND thị xã để xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện trong đó tập trung vào các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương và của UBND thị xã trong năm 2020 theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định tại phụ lục số II, quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 về sửa đổi một số điều của quy định đánh giá, xếp loại công tác CCHC tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố do UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 theo đúng nhiệm vụ đã nêu trên.

2. Giao Phòng Nội vụ là cơ quan chủ trì, tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch này; báo cáo UBND thị xã xem xét, xử lý những đơn vị, địa phương không thực hiện hoặc chậm thực hiện những nhiệm vụ đã nêu tại Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này nếu có gì vướng mắc kịp thời phản ánh về UBND thị xã (qua Phòng Nội vụ) để điều chỉnh và hướng dẫn cụ thể./.

#### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- Chủ tịch, Phó CT UBND thị xã;
- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thị xã và UBND các xã, phường.
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Duy Hùng**

**PHỤ LỤC**

**Kết quả cụ thể các Tiêu chí, Tiêu chí thành phần không đạt điểm theo yêu cầu**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 587/KH-UBND của ngày 26/02/2020 của UBND thị xã)

Mã số	Lĩnh vực/ Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Lý giải việc chấm điểm của Hội đồng thẩm định tỉnh	Đơn vị phụ trách
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>9</b>	<b>7,5</b>	<b>8</b>		
<b>1.4</b>	<b>Công tác tuyên truyền CCHC</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>			
1.4.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	1	1	0,75	Chưa có TLKC về Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Số lượng tin bài trên trang TTĐT thị xã năm 2019 là 35 tin tăng 10 tin so với năm 2018 (40%); Số lượng tin bài trên trang TTĐT các xã, phường năm 2019 là 35 tin tăng 35 tin so với năm 2018 (100%)	<b>Phòng VH&amp;TT, Trung tâm VH, TT và Thông tin, Văn phòng HĐND &amp; UBND thị xã</b>
	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng	0,25	0,25			
	Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác	0,25	0,25	0,25		
	Số lượng tin tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử cấp huyện tăng từ 15% trở lên	0,25	0,25	0,25		
	Số lượng tin tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử cấp xã tăng từ 15% trở lên	0,25	0,25	0,25		
<b>1.5</b>	<b>Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao</b>	<b>1</b>	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	Đơn vị thực hiện 97/139 YKCD quá hạn. Tỷ lệ thực hiện quá hạn là 69,78%.	<b>Văn phòng HĐND &amp; UBND thị xã</b>
	Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm	1				
	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ	0,5	0,5	0,5		
	Có nhiệm vụ chưa hoàn thành	0				
	Có nhiệm vụ chưa hoàn thành	0				
<b>II</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI HUYỆN</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>3,5</b>		
<b>2.2</b>	<b>Xử lý văn bản QPPL sau rà soát</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0,5</b>	<b>Chưa xử lý</b>	<b>Phòng Tư pháp</b>
	Đầy đủ, đúng thời gian	1	1			
	Chưa đầy đủ hoặc chưa đúng thời gian	0,5		0,5		
<b>III</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>14</b>	<b>12,2</b>	<b>9,2</b>		

<b>3.2</b>	<b>Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ</b>	<b>2,5</b>	<b>2,25</b>	<b>2</b>		
3.2.3	Công khai TTHC trên Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	0,5	0,5	0,25	Tài liệu không thể hiện UBND cấp xã công khai TTHC trên trang TTĐT của đơn vị.	<b>Văn phòng HĐND &amp; UBND thị xã và UBND các xã, phường</b>
	UBND cấp huyện công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình	0,25	0,25	0,25		
	100% số UBND cấp xã công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình	0,25	0,25			
3.2.4	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang TTĐT của huyện, UBND cấp xã	0,5	0,25	0,25	Tài liệu không thể hiện việc công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang TTĐT của UBND cấp xã.	
	UBND cấp huyện đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	0,25	0,25	0,25		
	100% UBND cấp xã đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	0,25				
<b>3.3</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>1</b>		
3.3.2	TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp (UBND huyện - các cơ quan cấp huyện có liên quan)	1	1	0	Tài liệu không thể hiện số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp (UBND huyện - các cơ quan cấp huyện có liên quan).	<b>Văn phòng HĐND &amp; UBND thị xã và UBND các xã, phường</b>
	Từ 50 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên	1	1			
	Từ 40 - 49 TTHC hoặc nhóm TTHC	0,5				
	Từ 30- 39 TTHC hoặc nhóm TTHC	0,25				
	Dưới 30 TTHC hoặc nhóm TTHC	0		0		
3.3.3	TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền (tỉnh - huyện - xã)	1	1	0	Tài liệu không thể hiện số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền (tỉnh - huyện - xã).	
	Từ 50 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên	1	1			
	Từ 40 - 49 TTHC hoặc nhóm TTHC	0,5				
	Từ 30- 39 TTHC hoặc nhóm TTHC	0,25				
	Dưới 30 TTHC hoặc nhóm TTHC	0		0		



<b>3.4</b>	<b>Cập nhật TTHC trên phần mềm</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>1,25</b>		
3.4.1	TTHC được TT HCC cập nhật và thiết lập đúng theo quy trình trên phần mềm	0,5	0,5	0,25	Đơn vị có cấu hình vượt 01 quy trình. Cụ thể: "Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở". (từ 10 ngày - 15 ngày).	<b>Văn phòng HĐND &amp; UBND thị xã và UBND các xã, phường</b>
	100% TTHC được thiết lập đúng thì điểm đánh giá là: 0.5	0,5	0,5			
	Từ 95 % - dưới 100% TTHC được thiết lập đúng thì điểm đánh giá là: 0.25	0,25		0,25		
	Dưới 95% TTHC được thiết lập đúng: 0	0				
3.4.3	TTHC được UBND cấp xã cập nhật và thiết lập đúng theo quy trình trên phần mềm	0,5	0,5	0	Theo thống kê, tỷ lệ số cấp xã thiết lập đúng chỉ đạt 40,78%. Chấm 0 điểm nội dung này.	
	Từ 100% xã đã thiết lập đúng TTHC thì điểm đánh giá là: 0.5	0,5	0,5			
	Từ 95 % - dưới 100% xã đã thiết lập đúng TTHC thì điểm đánh giá là: 0.25	0,25				
	Dưới 95% TTHC được thiết lập: 0	0		0		
<b>3.5</b>	<b>Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC</b>	<b>4,5</b>	<b>2,95</b>	<b>2,95</b>		
3.5.1	Hồ sơ TTHC do TT HCC cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	1,5	0	0	Đơn vị đã thực hiện 1.327/7.036 hồ sơ trễ hạn, tỷ lệ trễ hạn 21%.	<b>Văn phòng HĐND &amp; UBND thị xã và UBND các xã, phường</b>
	Từ 100% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá là 1.5	1,5				
	Từ 95 % - dưới 100% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn) X 1.25	1,5				

	Từ 90 - dưới 95% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn	1,5	0	0		
3.5.2	Hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	1	0,95	0,95	Đơn vị đã thực hiện 747/15.226 hồ sơ trễ hạn, tỷ lệ trễ hạn là 5%.	<b>Văn phòng HĐND &amp; UBND thị xã và UBND các xã, phường</b>
	Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %	1	0,95	0,95		
	Dưới 95% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn: 0	0				
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>5,34</b>		
<b>4.2</b>	<b>Thực hiện các quy định về quản lý biên chế</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>1,34</b>		
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	1,5	1,5	0,84	Biên chế giao 2015: 89, biên chế giao năm 2019: 83. Giảm 06 biên chế (6,74%)	<b>Phòng Nội vụ</b>
	Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: 1.5	1,5	1,5			
	Đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ giảm biên chế) X 1.25	1,5		0,84		
<b>V</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	<b>9</b>	<b>8</b>	<b>4,5</b>		
<b>5.5</b>	<b>Đánh giá, phân loại công chức, viên chức</b>	<b>1,5</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0,5	0,5	0,5	UBND thị xã đã thực hiện hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	<b>Phòng Nội vụ thị xã và UBND các xã, phường</b>
	Đúng quy định	0,5	0,5	0,5		
	Không đúng quy định	0				
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	0,5	0,25	0,25	Trong năm 2019 qua kiểm tra, kỷ luật với 02 trường hợp cảnh cáo và 02 trường hợp khiển trách đối với CBCC cấp xã. CBCCVC các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt kỷ luật kỷ cương hành chính không có vi phạm nên chấm 0.25 điểm	
	Trong năm không có cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan nhà nước cấp huyện bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.25	0,25	0,25	0,25		
	Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0.25	0,25				
5.5.3	Thực hiện công tác quản lý công chức, viên chức	0,5	0,25	0,25	Trong năm 2019, tỷ lệ CBCCVC thị xã cập nhật hồ sơ trên	
	Từ 90% - 100% CB, CC cấp	0,25	0,25	0,25		

	huyện thực hiện cập nhật hồ sơ CB, CC hàng năm thì điểm đánh giá là: 0,25				phần mềm đạt 98,9%; tỷ lệ CBCCVC cấp xã, phường cập nhật hồ sơ trên phần mềm đạt 78.5% nên chấm 0.25điểm	
	Từ 90% - 100% CB, CC cấp xã thực hiện cập nhật hồ sơ CB, CC hàng năm thì điểm đánh giá là: 0,25	0,25				
<b>5.7</b>	<b>Cán bộ, công chức cấp xã</b>	<b>1</b>	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>		
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0,5	0,25	0,25	Trong năm 2019, qua thống kê tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã là 97% nên chấm 0.25 điểm	<b>Phòng Nội vụ thị xã và UBND các xã, phường</b>
	100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0.5	0,5				
	Từ 95% - dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0.25	0,25	0,25	0,25		
	Dưới 95% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0	0				
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,5	0,25	0,25	Năm 2019 qua thống kê tỷ lệ cán bộ cấp xã của thị xã Hương Trà đạt chuẩn là 98,7% nên chấm 0.25 điểm	
	100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0.5	0,5				
	Từ 95% - dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0.25	0,25	0,25	0,25		
	Dưới 95% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0	0				
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>7</b>	<b>6,5</b>	<b>2</b>		
<b>6.1</b>	<b>Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách</b>	<b>2,5</b>	<b>2,5</b>	<b>1,5</b>		
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1	1	1	Năm 2018 tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư là 80% nên chấm 0,6 điểm	<b>phòng Tài chính - Kế hoạch</b>
	Đạt tỷ lệ giải ngân từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao:1	1				
	Đạt tỷ lệ giải ngân từ 60% - 90% so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ giải ngân KH đầu tư vốn NSNN) X 0.75	1	1	1		
	Đạt tỷ lệ giải ngân dưới 60% so với kế hoạch được giao:0	0				
6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách	1	1	0,5		
	100% số kiến nghị được thực hiện:1	1	1			
	Từ 80% - dưới 100% số kiến nghị được thực hiện: 0.5	0,5		0,5		
	Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện: 0	0				
6.1.3	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	0,5	0,5	0	Báo cáo chậm, 28/3	<b>phòng Tài</b>

	tại UBND, phòng, ban chuyên môn và UBND cấp xã					<b>chính - Kế hoạch</b>
	Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0.5	0,5	0,5			
	Có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0	0		0		
<b>6.2</b>	<b>Công tác quản lý, sử dụng tài sản công</b>	<b>2</b>	<b>1,5</b>	<b>0</b>		<b>phòng Tài chính - Kế hoạch</b>
<b>6.2.1</b>	<b>Ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công</b>	<b>0,5</b>	<b>0,5</b>	<b>0</b>		
	Đã ban hành kịp thời:0.5	0,5	0,5			
	Đã ban hành nhưng chưa kịp thời: 0.25	0,25				
	Chưa ban hành: 0	0		0		
	Chưa ban hành: 0	0				
6.2.3	Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg	0,5	0,5	0		
	Đã ban hành và thực hiện công khai trên Trang TTĐT của huyện: 0.5	0,5	0,5			
	Đã ban hành nhưng chưa thực hiện công khai trên Trang TTĐT của huyện: 0.25	0,25				
	Chưa ban hành: 0	0		0		
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	0,5	0	0	Trong năm UBND thị xã chưa thực hiện kiểm tra nên chấm 0 điểm	
	Có kiểm tra:0.5	0,5				
	Không kiểm tra:0	0	0	0		
<b>6.3</b>	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)</b>	<b>2,5</b>	<b>2,5</b>	<b>0,5</b>		<b>phòng Tài chính - Kế hoạch</b>
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	0,5	0,5	0		
	Có thêm 01 đơn vị: 0.5	0,5	0,5			
	Không có thêm: 0	0		0		
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0,5	0,5	0		
	Có thêm 01 đơn vị: 0.5	0,5	0,5			
	Không có thêm: 0	0		0		
	Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0	0				

6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	1	1	0		<b>phòng Tài chính - Kế hoạch</b>
	Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: 1	1	1			
	Đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % giảm chi ngân sách) X 0.75	1		0		
<b>VII</b>	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>	<b>12</b>	<b>11,75</b>			
<b>7.3</b>	<b>Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định</b>	<b>1,5</b>	<b>1,5</b>	<b>0,75</b>		<b>Văn phòng HĐND &amp; UBND thị xã và UBND các xã, phường</b>
7.3.2	Tỷ lệ phòng, ban chuyên môn cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	0,5	0,5	0		
	100% số cơ quan, đơn vị: 0.5	0,5	0,5			
	Dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0	0				
7.3.3	Tỷ lệ UBND cấp xã thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	0,5	0,5	0,25		
	Từ 90% số đơn vị trở lên: 0.5	0,5	0,5			
	Từ 70% - dưới 90% số đơn vị: 0.25	0,25		0,25		
	Dưới 70% số đơn vị: 0	0				